

Số: 02/KL-TTH

Ninh Sơn, ngày 04 tháng 8 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định về quản lý thu, chi tài chính
ngân sách Nhà nước giao và các khoản đóng góp
tại trường Mẫu giáo Mỹ Sơn

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010;

Căn cứ Quyết định thanh tra số 08/QĐ-TTH ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chánh Thanh tra huyện Ninh Sơn về việc Thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý thu, chi tài chính ngân sách nhà nước giao và các khoản đóng góp tại trường Mẫu giáo Mỹ Sơn từ năm 2018 đến năm 2020.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 62/BC-ĐTT ngày 02/8/2022 của Trường Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của đối tượng thanh tra. Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

I. Đặc điểm tình hình:

Trường Mẫu giáo Mỹ Sơn được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn thành lập theo Quyết định số 846/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 04 năm 2007; trường có tổng số: 31 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó, 02 Ban giám hiệu gồm: 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng; 23 giáo viên đứng lớp gồm: 17 giáo viên trong biên chế, 6 giáo viên hợp đồng (trong đó: 01 giáo viên kiêm thủ quỹ của trường) và 6 nhân viên lao động gồm: 01 kế toán kiêm văn thư, 01 bảo vệ và 04 cấp dưỡng; hằng năm có hơn 65% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, có giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện; trường liên tục đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

*** Thuận lợi:**

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp các ngành, sự nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn của tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường, cùng với sự phối hợp của các bậc cha mẹ học sinh nên nhà trường luôn duy trì có hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên của trường 100% đạt chuẩn và trên chuẩn, có tinh thần, trách nhiệm cao... Nhờ vậy, trong những năm qua tập thể nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh được UBND huyện khen tặng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

*** Khó khăn:**

Đầu năm học, đơn vị được giao chỉ tiêu về nhân sự gồm: giáo viên đứng lớp, kế toán và Ban giám hiệu nhà trường còn nhân viên bảo vệ, văn thư, thủ quỹ... đơn vị tự bố trí người cho phù hợp hoặc lấy kinh phí thường xuyên của nhà trường, các khoản thu để chi trả. Mặc dù, đã được đầu tư mua sắm thêm dụng cụ học tập, trang thiết bị...; tuy nhiên, trang thiết bị, đồ dùng dạy học vẫn

chưa đảm bảo theo qui định tối thiểu của Bộ GD&ĐT; nhà trường chưa có nhân viên y tế; thời gian giáo viên đứng trên lớp nhiều nhưng mức lương hiện hưởng còn thấp, ảnh hưởng nhiều đến đời sống của đội ngũ giáo viên.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh

1. Công tác tài chính, kế toán.

Nhà trường đã xây dựng, sử dụng, phân bổ dự toán được giao trên cơ sở tổng hợp báo cáo dựa trên chỉ tiêu về biên chế, người làm việc, định mức tiêu chuẩn quy định và nhu cầu hoạt động thực tế của trường. Trên cơ sở dự toán kinh phí được giao, nhà trường đã cân đối, tổ chức chi đầy đủ. Đồng thời tổng hợp, đề xuất, bổ sung dự toán kịp thời các khoản chi cho con người đáp ứng nhu cầu hoạt động về cấp kinh phí tăng lương, biên chế để phục vụ tốt nhiệm vụ chuyên môn; chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên; công tác thu hồ sơ, tài liệu các trường hợp miễn, giảm học phí kịp thời, đầy đủ để tổng hợp đề xuất, bổ sung dự toán, hỗ trợ chi phí học tập, ăn trưa, cấp bù học phí, trường có biên bản họp xét hỗ trợ theo từng kỳ, hồ sơ lưu giữ tương đối đầy đủ đúng quy định.

- *Quy chế chi tiêu nội bộ*: hằng năm tại hội nghị cán bộ, công chức, người lao động; nhà trường đều thống nhất và thông qua quy chế chi tiêu nội bộ. Nội dung quy chế quy định về chế độ định mức, tiêu chuẩn theo các văn bản hiện hành của các cấp, các ngành.

- *Công khai tài chính*:

Nội dung công khai: Dự toán đầu năm và quyết toán ngân sách năm; quy chế chi tiêu nội bộ; chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp đối với người lao động; mức thu học phí; mức chi về các khoản đã thỏa thuận với cha mẹ học sinh từ đầu năm học.

- *Hình thức công khai*: Niêm yết công khai tại bảng công khai, bộ phận tài vụ theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 gồm quy chế chi tiêu nội bộ, bảng lương, dự toán, quyết toán thu chi ngân sách, tại hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh, hội nghị cán bộ công chức hằng năm và các cuộc họp tập thể định kỳ của nhà trường.

- *Công tác kế toán*: Việc lập, ghi chép, cập nhật thông tin, lưu giữ hồ sơ chứng từ, sổ sách kế toán được thực hiện tương đối đầy đủ kịp thời; tổ chức ghi sổ và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên các tài khoản kế toán theo quy định, phản ánh đúng số dư cuối kỳ của các tài khoản liên quan; hầu hết các nghiệp vụ chi từ ngân sách được thực hiện chủ yếu thông qua hình thức chuyên khoản, thực hiện việc đối chiếu số liệu, thanh toán, quyết toán, nộp báo cáo tài chính hằng năm theo quy định.

- *Quản lý, sử dụng tiền mặt*: Các khoản chi từ ngân sách sử dụng hình thức chuyên khoản, còn các nghiệp vụ thu chi bằng tiền mặt được nhà trường lập đầy đủ các chứng từ, theo dõi trên sổ sách. Các loại hồ sơ, sổ sách kế toán theo dõi các khoản thu, chi từ quỹ cha mẹ học sinh đều được sử dụng hết trong năm.

2. Ngân sách nhà nước giao và học phí.

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
Tổng thu	2.591.751.937	2.671.722.097	3.174.866.123	8.438.340.157
Tồn mang sang	132.957.442	52.740.757	211.113.707	396.811.906
Thu trong kỳ	2.458.794.495	2.618.981.340	2.963.752.416	8.041.528.251
Thường xuyên	1.973.657.695	2.087.264.140	2.469.358.476	6.530.280.311
Không thường xuyên	360.821.300	392.564.200	363.939.940	1.117.325.440
Thu học phí	124.315.500	139.153.000	130.454.000	393.922.500
Tổng chi	2.468.544.560	2.453.477.275	3.108.654.133	8.030.675.968
Thường xuyên	1.994.822.760	1.911.648.775	2.583.886.543	6.490.358.078
Không thường xuyên	349.406.300	402.675.500	394.313.590	1.146.395.390
Nộp học phí (NS)	124.315.500	139.153.000	130.454.000	393.922.500
Chuyển sang năm sau	52.740.757	211.113.707	66.211.990	330.066.454
Dự toán hủy	70.466.620	7.131.115	0	77.597.735

Qua kiểm tra chứng từ thu chi, ngân sách cấp và thu tiền học phí vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- **Năm học 2017-2018:** Kiểm tra danh sách thu tiền có lớp mẫu giáo 01 buổi (vùng 2- Nông thôn): mức thu: 30.000đ/tháng/trẻ. Trong đó có **01** trường hợp ở thôn Mỹ hiệp (Vùng3) mức thu: 8.000đ/tháng/trẻ nhưng nhà trường thu 30.000đ/tháng là chưa đúng quy định.

* Đơn vị có giải trình do sơ xuất kế toán chưa kiểm tra kỹ nên đã thu học phí lệch 01 tháng của trẻ, nhưng thực tế cháu chỉ đóng 01 tháng (nhà trường thu 30.000đ) còn các tháng còn lại cháu không đóng học phí nên nhà trường coi như thất thu các tháng sau.

- **Năm học 2019-2020:** Chi ngân sách, giấy rút chứng từ số 11.19 ngày 19/11/2020, chuyển tiền lễ ngày 20/11/2020, số tiền: **5.000.000đ (200.000đ x 25 người)**. Kiểm tra trong quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 của đơn vị, tại Điều 8. Chi phí khác có nêu: "Đối với chi nhân các ngày lễ lớn trong năm như Tết âm lịch, tết dương lịch, lễ 2/9, ngày 20/11, ngày 8/3... Tùy theo điều kiện kinh phí hiệu trưởng duyệt chi, có danh sách ký nhận hoặc hóa đơn mua hàng nhưng tổng chi không quá 3.000.000đ". Như vậy nội dung chi này đã vượt **2.000.000đ** so với quy chế.

* Trường có giải trình, trong Điều 8, mục chi khác có ghi rõ tên các ngày lễ 03/8; 20/11; tết âm lịch chi hỗ trợ cho mỗi CBGV CNV 250.000đ, có danh sách ký nhận kèm theo và chứng từ chi số 11.19, chi cho mỗi người 200.000đ là thấp hơn so với quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 đề ra là chưa đúng với nội dung quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị đã cung cấp cho Đoàn thanh tra.

3. Về thu, chi các loại quỹ.

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Tổng cộng
Tổng thu	53.179.400	50.928.000	39.753.000	143.860.400
Quỹ ăn phẩm	19.949.400	28.328.000	19.183.000	67.460.400
Quỹ nhập trường	29.540.000	19.060.000	17.000.000	65.600.000
Quỹ khuyến học	3.690.000	3.540.000	3.570.000	10.800.000
Tổng chi	50.142.400	50.504.000	39.742.000	140.388.400
Quỹ ăn phẩm	19.949.400	27.801.500	19.183.000	66.933.900
Quỹ nhập trường	26.503.000	20.010.500	16.989.000	63.502.500
Quỹ khuyến học	3.690.000	3.540.000	3.570.000	10.800.000
Còn tồn	3.037.000	-424.000	11.000	2.624.000

a) Năm học 2017-2018: Có 03 hóa đơn chi không hợp lệ:

- + Hóa đơn số 1030 ngày 11/9/2017, mua băng keo giấy, số tiền: 399.000đ
- + Hóa đơn số 66458 ngày 18/12/2017 số tiền: 3.328.000đ (trong đó: chi kệ để ly, lau chân, đồ dùng nhà bếp, rèm cửa, khăn lau chén, chổi lông, chổi đót..., số tiền: 2.393.000đ.
- + Hóa đơn số 81344 không có ngày tháng năm 2017, chi dụng cụ nhà bếp, số tiền: 560.000đ .

- Các hóa đơn trên có trong biên bản họp đầu năm học nhưng các khoản chi mua sắm, hoạt động của nhà trường phục vụ cho kinh phí của nhà bếp đã có nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu học phí của nhà trường.

- Đơn vị có giải trình báo cáo số 12/BC-MGMS ngày 10/5/2022, vì đầu năm học kinh phí ngân sách nhà nước cấp không đủ chi cho hoạt động của nhà trường nên nhà trường đã họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất cho phép "quỹ nhập trường" được chi các khoản đồ dùng nhà bếp phục vụ cho việc nấu ăn cho các cháu.

b) Năm học 2018-2019: Có 03 hóa đơn chi không hợp lệ:

- + Phiếu chi số 01 ngày 28/8/2018 chi mua máy xay trái cây Philips HR2118, số tiền: 1.789.000đ.
- + Phiếu chi số 02 ngày 04/9/2018, chi mua sắm một số đồ dùng của nhà bếp, số tiền: 1.480.000đ
- + Phiếu chi số 04 ngày 23/5/2019, chi mua sắm một số đồ dùng của nhà bếp, số tiền: 2.531.000đ

- Các hóa đơn trên có trong biên bản họp ngày 08/10/2018, đầu năm học 2018-2019, nhưng theo quy định, các khoản chi mua sắm, hoạt động của nhà trường phục vụ cho kinh phí của nhà bếp, từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và từ nguồn thu học phí của nhà trường thanh toán.

- Trường có báo cáo giải trình (báo cáo số 12/BC-MGMS ngày 10/5/2022) vì ngân sách nhà nước cấp không đủ chi, nên nhà trường xin ý kiến của từng phụ huynh và tất cả đều thống nhất, đồng ý cho mua đồ dùng nhà bếp để phục vụ công tác nấu ăn cho trẻ bán trú (theo Biên bản ngày 08/10/2018 về việc thống nhất các khoản thu thỏa thuận năm học 2018-2019).

c) Năm 2019-2020: Có 02 chứng từ chi không hợp lệ;

+ Hóa đơn số 94390 ngày 20/10/2019, chi mua sắm một số đồ dùng của nhà bếp số tiền: 2.115.000đ.

+ Hóa đơn số 9706 ngày 01/2/2020, chi mua sắm một số đồ dùng của nhà bếp số tiền: 890.000đ

- Các hóa đơn trên có trong biên bản họp đầu năm học, nhưng theo quy định, các khoản chi mua sắm, hoạt động của nhà trường phục vụ cho kinh phí của nhà bếp, từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và từ nguồn thu học phí của nhà trường thanh toán.

- Nhà trường có giải trình (BC số 12/BC-MGMS ngày 10/5/2022) vì hằng năm kinh phí cấp không đủ đảm bảo chi nên nhà trường có thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh đồng ý mua dụng cụ nhà bếp để phục vụ nấu ăn cho trẻ.

4. Nguồn thu, chi tiền ăn bán trú

Đơn vị có tổng hợp đầy đủ các loại sổ theo quy định gồm: sổ theo dõi nhập- xuất gạo; sổ thực đơn; sổ theo dõi nhập-xuất sữa, sổ báo ăn, sổ đi chợ, sổ quỹ tiền mặt

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Tổng cộng
Tổng thu	479.820.000	528.193.000	334.904.000	1.342.917.000
Tổng chi	479.820.000	511.859.988	328.828.500	1.320.508.488
Còn tồn	0	16.333.012	6.075.500	22.408.512

a) Năm học 2017-2018 (theo BB thỏa thuận giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS về việc thống nhất các khoản thu ngày 23/9/2017)

Mức thu: 280.000đ/tháng/trẻ (gồm: tiền ăn; chất đốt; trả cấp dưỡng; mua đồ vệ sinh trong lớp: thăm lau chân, nước lau nhà, xà phòng, khăn, chổi, giấy vệ sinh...)

Tổng thu: 479.820.000đ

Tổng chi: 479.820.000đ

*** Kiểm tra chứng từ các phiếu chi tiền ăn:**

- Phiếu chi số 08 ngày 29/9/2017, chi tiền lương tháng 9/2017, số tiền: 6.945.600đ nhưng danh sách nhận tiền trả lương cho cấp dưỡng số tiền: 5.000.000đ, **lệch số tiền: 1.945.600đ.**

* Trường có xác nhận danh sách ký nhận số tiền là đúng, do sơ suất trong quá trình lập danh sách nhận tiền nhưng số tiền nhà trường chi trả cho cấp dưỡng đúng: 6.945.600đ.

- Tiền ăn bán trú chi cho giáo viên hợp đồng (ngoài biên chế), số tiền: **13.500.000đ**, cụ thể: Phiếu chi số 37 ngày 30/12/2017; Phiếu chi số 47 ngày 30/01/2018; Phiếu chi số 53 ngày 28/02/2018. Không có trong biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2017 giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất các khoản thu, chi năm học 2017-2018.

- Tiền ăn bán trú chi cho nhân viên tạp vụ, số tiền: **6.000.000đ**. cụ thể: Phiếu chi số 37 ngày 30/12/2017; Phiếu chi số 47, 53, 62, 73, 80 ngày 30/01, 28/02, 30/3, 28/4, 25/5/2018. Không có trong biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2017 giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất các khoản thu, chi năm học 2017-2018.

* Theo báo cáo giải trình bổ sung của trường (BC số 16/BC-MGMS ngày 10/6/2022), có nội dung: trước năm học 2017-2018, điểm trường chính của trường xuống cấp và thiếu phòng học. Do vậy có 02 lớp 3 tuổi và 4 tuổi học 01 buổi/ngày. Đến giữa năm 2017-2018, nhà trường được UBND huyện đầu tư thêm 10 phòng học tại điểm chính nên tất cả các lớp đều tập trung về trường chính học tại cơ sở mới, 100% phụ huynh 02 lớp 3,4 tuổi đề xuất hợp đồng thêm giáo viên. Vì vậy, thiếu 02 giáo viên và cấp dưỡng theo quy định tại "Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 11/9/2012 về thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức; Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, nên nhà trường đã có tờ trình số 02/TTr-MGMS ngày 19/01/2017 về việc phê duyệt hợp đồng giáo viên, và đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo chấp thuận, đồng ý tại Văn bản số 31/PGDDĐT-TC ngày 20/01/2017". Biên bản họp lần 2 để thống nhất giữa nhà trường và ban cha mẹ học sinh bổ sung thêm giáo viên hợp đồng và tạp vụ (nhà trường cung cấp Biên bản họp giữa năm học 2017-2018, ngày 23/3/2018). Đây là sai sót của nhà trường vì đơn vị đã không đưa vào trong biên bản họp ngay từ đầu năm học.

b) Năm học 2018-2019 (theo BB thỏa thuận giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS về việc thống nhất các khoản thu năm học 2018-2019, ngày 08/10/2018)

Mức thu: 310.000đ/tháng/trẻ (gồm: tiền ăn; chất đốt; trả cấp dưỡng+giáo viên hợp đồng; mua đồ vệ sinh trong lớp: tắm lau chân, nước lau nhà, xà phòng, khăn, chổi, giấy vệ sinh...)

Tổng thu: 528.193.000đ

Tổng chi: 511.859.988đ

Còn tồn: 16.333.012đ (Số tiền còn lại do một số trẻ nhà có việc hoặc ốm đau bệnh nên không đến trường, số ngày nghỉ nhà trường trả lại tiền ăn cho các cháu, nhưng cha mẹ học sinh không nhận và đều thống nhất với nhà trường để những khoản tiền này dùng làm mái che hiên ở khu vực phòng số 7 bên ngoài

của lớp học tạo bóng mát cho học sinh vui chơi, có biên bản bàn giao ngày 15/8/2019)

*** Qua kiểm tra, có một số chứng từ chi không hợp lệ:**

- Tiền ăn bán trú chi cho nhân viên tạp vụ, số tiền: **9.000.000đ**, cụ thể:
+ Phiếu chi số 05; 13; 20; 27 ngày 28/9; 31/10; 30/11; 20/12/2018.
Không có trong Biên bản thống nhất các khoản thu thỏa thuận năm học 2018-2019 giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường.

+ Phiếu chi số 35; 42; 50; 59; 70 ngày 25/01; 28/2; 30/3; 29/4; 26/5/2019.
Không có trong Biên bản thống nhất các khoản thu thỏa thuận năm học 2018-2019 giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường.

*** Trường có cung cấp Biên bản thỏa thuận ngày 22/01/2019 về hỗ trợ tiền trực trưa, trong đó có nội dung: "trong cuộc họp đầu năm học 2018-2019, nhà trường có thống nhất với phụ huynh thu 310.000đ/tháng để tổ chức bán trú. Trong đó trích 42.000đ/tháng để chi trả lương cho hợp đồng giáo viên, cấp dưỡng và tạp vụ". Tuy nhiên, Biên bản họp thống nhất các khoản thu thỏa thuận năm học 2018-2019 ngày 08/10/2018, nhà trường cung cấp cho Đoàn thanh tra không có mục chi trả cho nhân viên tạp vụ".**

c) Năm học 2019-2020 (theo Biên bản thống nhất các khoản thu thỏa thuận năm học 2019-2020 ngày 30/9/2019).

Mức thu: 330.000đ/tháng/trẻ (gồm: tiền ăn; chất đốt; tiền nước uống; trả cấp dưỡng+tạp vụ (3 người); mua đồ vệ sinh trong lớp: thảm lau chân, nước lau nhà, xà phòng, khăn, chổi, giấy vệ sinh...)

Tổng thu: 334.904.000đ

Tổng chi: 328.828.500đ

Còn tồn: 6.075.500đ (Số tiền còn tồn là do một số trẻ do nhà có việc hoặc ốm đau bệnh nên không đến trường, số ngày nghỉ nhà trường trả lại tiền ăn cho các cháu, nhưng đa số cha mẹ học sinh không nhận và đều thống nhất với nhà trường để những khoản tiền này dùng mua cỏ tạo góc thiên nhiên, mua xích đu, ghế đá, chậu cây cảnh, còn lại làm tiệc ăn cuối năm cho các cháu, có biên bản thống nhất trao tặng ngày 02/10/2020).

*** Qua kiểm tra chứng từ:**

- Phiếu thu ngày 17/01/2020, số tiền: 31.896.000đ, kế toán, người lập, người nộp tiền chưa ký.

- Chứng từ mua hàng bảng kê, phiếu xuất kho ngày 17/01/2020, số tiền: 1.908.000đ. kiểm tra bảng kê khai tiền ăn, số tiền: 1.956.000đ. Chênh lệch số tiền: **48.000đ**.

- Tiền ăn bán trú chi tiền trực trưa cho giáo viên, số tiền: **6.900.000đ**, cụ thể: Phiếu chi số 04 ngày 30/5/2020; Phiếu chi số 27 ngày 30/6/2020. Khoản chi này không có trong Biên bản thống nhất đầu năm học 2019-2020 giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường.

* Nhà trường cung cấp biên bản họp phụ huynh cuối năm 2019-2020 ngày 16/6/2020 có nội dung: Do dịch covid 19 nên mỗi lớp luôn có 02 giáo viên trực trưa nên thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh thu thêm mỗi trẻ 20.000đ/tháng để trả tiền trực trưa cho giáo viên. Đây là biên bản họp cuối năm nhà trường công khai với cha mẹ học sinh các khoản thu, chi cuối năm.

5. Hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non (có hồ sơ học sinh, đơn xác nhận của UBND xã, danh sách ký nhận tiền)

a) Năm học 2017-2018.

- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi (Học kỳ I), số tiền: 8.520.000đ, (truy nhận 01 tháng; mức hỗ trợ: 120.000đ/tháng; gồm: 71 học sinh) theo Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/07/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo – Bộ tài chính quy định chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi (Học kỳ II), số tiền: 115.350.000đ, Trong đó:

+ Số tiền: 40.320.000đ (Truy nhận 02 tháng; mức hỗ trợ: 120.000đ/tháng; gồm: 168 học sinh) theo Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/07/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo – Bộ tài chính.

+ Số tiền: 75.030.000đ (Truy nhận 03 tháng; mức hỗ trợ: 130.000đ/tháng; gồm: 195 học sinh theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.

- Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép 2-3 độ tuổi, được quy định tại khoản 4, Điều 7 Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ, Số tiền: 2.700.000đ (số lượng: 02 cô; số tháng hưởng: 3 tháng; mức hỗ trợ: 450.000đ/tháng)

b) Năm học 2018-2019.

- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi, số tiền: 250.895.000đ (Truy nhận 9 tháng; mức hỗ trợ: 139.000đ; số học sinh: 201 (trong đó: có 2 học sinh nghỉ học: 4 tháng) theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ.

- Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép 2-3 độ tuổi dạy tại Mỹ Hiệp, Nha Húi, được quy định tại khoản 4, Điều 7 Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ, Số tiền: 12.150.000đ (số lượng: 03 cô; số tháng hưởng: 9 tháng; mức hỗ trợ: 450.000đ/tháng)

c) Năm học 2019-2020.

- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi (Học kỳ I), số tiền: 130.524.000đ (Truy nhận 4 tháng; mức hỗ trợ: 149.000đ; số học sinh: 219) theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ.

- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi (Học kỳ II), số tiền: 91.188.000đ (Truy nhận 3 tháng; mức hỗ trợ: 149.000đ; số học sinh: 204) theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ.

- Hỗ trợ đối với 5 giáo viên mầm non dạy lớp ghép 2-3 độ tuổi tại điểm lẻ Mỹ Hiệp, Nha Húi, được quy định tại khoản 4, Điều 7 Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ, Số tiền: 4.050.000đ (số tháng hưởng: 9 tháng; mức hỗ trợ: 450.000đ/tháng)

6. Thu hộ tiền bảo hiểm thân thể (Không bắt buộc).

- Trong năm học từ năm 2018 đến năm 2020, tổng số tiền Bảo hiểm thân thể (Không bắt buộc, tự nguyện) nhà trường thu hộ: 83.050.000đ (năm 2018: 29.750.000đ; năm 2019: 29.350.000đ; năm 2020: 23.950.000đ); Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trích lại: 8.305.000đ (10%) cho nhà trường. Qua kiểm tra, số tiền được trích lại 10% đơn vị không đưa vào sổ sách thu chi của đơn vị, không có hồ sơ, chứng từ lưu tại trường.

** Đơn vị có giải trình số tiền được trích lại dùng để chi tiền ăn, bánh kẹo cho các cháu vào cuối năm học. Vì đây là số tiền nhà trường thu hộ của cha mẹ học sinh để đóng cho đơn vị bảo hiểm nên nhà trường không lưu giữ hồ sơ chứng từ thanh toán.*

7. Quản lý, sử dụng tài sản, công cụ, dụng cụ.

Nhà trường có ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản với nội dung tương đối đầy đủ, có mở sổ theo dõi tài sản, công cụ, dụng cụ, các trang thiết bị. Hằng năm tính hao mòn tài sản cố định theo tỷ lệ; có thành lập tổ kiểm kê và lập biên bản kiểm kê tài sản công cụ, dụng cụ đảm bảo thời gian, nội dung kiểm kê theo giá trị, số lượng, chủng loại, nội dung đưa vào năm sử dụng.

Trường đã chủ động bố trí kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị nhằm duy trì hiệu quả sử dụng, phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Công tác mua sắm, sửa chữa tài sản được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục trong dự toán kinh phí tự chủ được giao. Hằng năm, trường luôn thực hiện chế độ báo cáo, công khai mua sắm và sửa chữa tài sản theo quy định.

- *Xung đột lợi ích:* Trong kỳ, đơn vị chưa nhận được thông tin, phản ánh, báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân về phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn. Ngoài ra, đơn vị cũng chưa nhận được văn bản báo cáo của cán bộ, công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc có xung đột lợi ích với công việc được phân công.

III. Kết luận:

1. Ưu điểm:

- Công tác quản lý, điều hành của nhà trường: căn cứ Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan đến công tác quản lý tài chính, ngân sách của các cấp, nhà trường đã chủ động cập nhật, tiếp thu, nghiên cứu, quán triệt và giao nhiệm vụ cho bộ phận chuyên môn triển khai thực hiện các quy định về Luật Kế toán, Luật Ngân sách Nhà nước theo quy định. Căn cứ

vào dự toán được giao, hằng năm nhà trường triển khai thực hiện dựa trên quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản.

- Đơn vị đã chi trả các chế độ chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/07/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo – Bộ tài chính; Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ.

- Hằng năm, đơn vị đã bám sát dự toán chi thường xuyên, đảm bảo các nguồn kinh phí chi cho các hoạt động thường xuyên của đơn vị, theo tháng, quý nhằm phục vụ kịp thời công tác chuyên môn và việc chi trả tiền lương cho công chức, viên chức theo quy định.

- Đơn vị có mở các loại sổ theo dõi thu, chi từ nguồn quỹ đóng góp của phụ huynh học sinh, hạch toán nguồn thu, chi trong các năm học đảm bảo trong định mức thỏa thuận và nội dung chi.

- Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản đúng theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, hằng năm đều tổ chức công khai tài chính theo quy định.

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị, đồ dùng dạy học được thực hiện theo trình tự, thủ tục, từ ban hành quy chế, tiến hành mua sắm, sửa chữa, bảo hành, kiểm kê, công khai định kỳ theo quy định và được hạch toán theo dõi trên sổ sách kế toán.

2. Hạn chế, tồn tại

Bên cạnh kết quả đạt được; qua thanh tra đã phát hiện một số nội dung thanh toán, chi chưa đúng quy định, với số tiền là **51.550.600đ** (*Năm mươi một triệu, năm trăm năm mươi nghìn sáu trăm đồng*). Nội dung chi chưa đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ; chi các loại quỹ, tiền ăn bán trú chưa đúng theo *Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT* ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo; Công văn số 326/PGDĐT-TV ngày 22/8/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ninh Sơn và chưa đúng theo biên bản thỏa thuận giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh từ đầu năm học, cụ thể như sau:

2.1. Về thu, chi ngân sách:

- Giấy rút chứng từ số 11.19 ngày 19/11/2020, chuyển tiền lễ ngày 20/11/2020, số tiền: **5.000.000đ** ($200.000đ \times 25$ người). Kiểm tra trong quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 của đơn vị, tại Điều 8. Chi phí khác có nêu: "*Đối với chi nhân các ngày lễ lớn trong năm như Tết âm lịch, tết dương lịch, lễ 2/9, ngày 20/11, ngày 8/3... Tùy theo điều kiện kinh phí hiệu trưởng duyệt chi, có danh sách ký nhận hoặc hóa đơn mua hàng nhưng tổng chi không quá 3.000.000đ*". Như vậy nội dung chi này đã vượt **2.000.000đ** so với quy chế.

- Hàng năm đơn vị còn để tồn ngân sách nguồn 13: 192.151.332đ (năm học 2017-2018: 39.870.625đ; năm học 2018-2019: 152.280.707đ; năm học 2019-2020: 0đ)

Nhưng vẫn lấy nguồn thu các loại quỹ và tiền ăn bán trú để chi mua sắm một số đồ dùng cho nhà bếp và chi lương hợp đồng giáo viên, tạp vụ, trực trưa là chưa đúng quy định.

2.2. Về thu học phí:

Năm học 2017-2018: có danh sách thu tiền lớp mẫu giáo 01 buổi (vùng 2- Nông thôn), mức thu: 30.000đ/tháng/trẻ. Trong đó có 01 trường hợp ở thôn Mỹ hiệp (Vùng 3) mức thu: 8.000đ/tháng/trẻ nhưng nhà trường thu 30.000đ/tháng là chưa đúng quy định tại Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, trường hợp này nhà trường chỉ thu một tháng học, các tháng còn lại không thu.

2.3. Về thu, chi các loại quỹ:

a) Năm 2017-2018:

- Có 03 hóa đơn chi mua sắm một số dụng cụ nhà bếp chưa đúng nguồn, số tiền: **3.352.000đ**, vì nội dung này chi từ nguồn ngân sách cấp và thu học phí, gồm:

+ Hóa đơn số 1030 ngày 11/9/2017, mua băng keo giấy, số tiền: 399.000đ

+ Hóa đơn số 66458 ngày 18/12/2017, chi mua sắm công cụ dụng nhà bếp, số tiền: 2.393.000đ.

+ Hóa đơn số 81344 không có ngày tháng năm 2017, chi dụng cụ nhà bếp, số tiền: 560.000đ.

b) Năm 2018-2019:

- Có 03 chứng từ chi mua sắm một số đồ dùng cho nhà bếp là chưa đúng nguồn, với số tiền: **5.800.000đ**, vì nội dung này chi từ nguồn ngân sách cấp và thu học phí, gồm:

+ Phiếu chi số 01 ngày 28/8/2018 mua máy xay trái cây Philips HR2118, số tiền: 1.789.000đ.

+ Phiếu chi số 02 ngày 04/9/2018, chi cho mua sắm một số đồ dùng của nhà bếp, số tiền: 1.480.000đ

+ Phiếu chi số 04 ngày 23/5/2019, chi cho mua sắm một số đồ dùng của nhà bếp, số tiền: 2.531.000đ

c) Năm 2019-2020

- Có 02 hóa đơn chi chưa đúng nguồn, số tiền: **3.005.000đ**, vì nội dung này chi từ nguồn ngân sách cấp và thu học phí, gồm:

+ Hóa đơn số 94390 ngày 20/10/2019, chi mua sắm một số đồ dùng của nhà bếp, với số tiền: 2.115.000đ;

+ Hóa đơn số 9706 ngày 01/2/2020, chi mua sắm một số đồ dùng của nhà bếp, với số tiền: 890.000đ.

2.4. Về thu hộ tiền bảo hiểm thân thể (không bắt buộc)

Từ năm học 2018-2020, đơn vị đã thu hộ tiền bảo hiểm thân thể (bảo hiểm tự nguyện, không bắt buộc) của cha mẹ học sinh, với tổng số tiền: 83.050.000đ, trong đó trích lại 10%: 8.305.000đ, đơn vị không nhập vào quỹ thu, chi của nhà trường. Đây là khoản thu chưa đúng theo quy định tại "Mục 3, Công văn số 4660/BGDĐT-CTHSSV ngày 10/9/2015 của Bộ Giáo dục đào tạo có nội dung: Các cơ sở giáo dục, đào tạo không tổ chức thu các khoản bảo hiểm tự nguyện".

2.5. Về thu, chi tiền ăn bán trú (Chi chưa đúng theo Điều 5 Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục đào tạo về Ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh), cụ thể:

a) Năm 2017-2018.

- Phiếu chi số 08 ngày 29/9/2017, chi tiền lương tháng 9/2017, số tiền: 6.945.600đ nhưng danh sách nhận tiền trả lương cho cấp dưỡng số tiền: 5.000.000đ, lệch số tiền: 1.945.600đ, là chưa đúng quy định.

- Tiền ăn bán trú chi cho giáo viên hợp đồng (ngoài biên chế), số tiền: 13.500.000đ, cụ thể: Phiếu chi số 37 ngày 30/12/2017; Phiếu chi số 47 ngày 30/01/2018; Phiếu chi số 53 ngày 28/02/2018. Không có trong biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2017 giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất các khoản thu, chi năm học 2017-2018.

- Tiền ăn bán trú chi cho nhân viên tạp vụ, số tiền: 6.000.000đ, cụ thể: Phiếu chi số 37 ngày 30/12/2017; Phiếu chi số 47, 53, 62, 73, 80 ngày 30/01, 28/02, 30/3, 28/4, 25/5/2018. Không có trong biên bản thỏa thuận ngày 23/9/2017 giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất các khoản thu, chi năm học 2017-2018.

b) Năm 2018-2019

- Tiền ăn bán trú chi cho nhân viên tạp vụ, số tiền: 9.000.000đ, cụ thể: + Phiếu chi số 05; 13; 20; 27 ngày 28/9; 31/10; 30/11; 20/12/2018. Không có trong Biên bản thống nhất các khoản thu thỏa thuận năm học 2018-2019 giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường.

+ Phiếu chi số 35; 42; 50; 59; 70 ngày 25/01; 28/2; 30/3; 29/4; 26/5/2019. Không có trong Biên bản thống nhất các khoản thu thỏa thuận năm học 2018-2019 giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường.

- Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh ấn định trích bình quân mỗi trẻ số tiền 42.000 đ/tháng để trả tiền trực trưa cho giáo viên, cấp dưỡng và tạp vụ là chưa đúng quy định tại Khoản 3, Điều 10, Thông tư 55 của Bộ giáo dục đào tạo "Không qui định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho cha mẹ học sinh".

c) Năm 2019-2020

- Phiếu thu ngày 17/01/2020, số tiền: 31.896.000 đồng, kế toán, người lập, người nộp tiền chưa ký.

- Chứng từ mua hàng bảng kê, phiếu xuất kho ngày 17/01/2020, số tiền: 1.908.000đ, kiểm tra bảng kê khai tiền ăn, số tiền: 1.956.000đ. Chênh lệch số tiền: **48.000đ**

- Tiền ăn bán trú chi tiền trực trưa cho giáo viên, số tiền: **6.900.000đ**, cụ thể: Phiếu chi số 04 ngày 30/5/2020; Phiếu chi số 27 ngày 30/6/2020. khoản chi này không có trong Biên bản thống nhất các khoản thu thỏa thuận năm học 2019-2020 giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường.

- Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh ấn định số tiền thu thêm mỗi trẻ 20.000đ/tháng để trả tiền trực trưa cho giáo viên là chưa đúng quy định tại khoản 3, điều 10, Thông tư 55 của Bộ giáo dục đào tạo “Không qui định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh”.

- Các khoản chi trên không đúng quy định theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo có nội dung: “ Các khoản ủng hộ không phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường; trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường; mua sắm máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp học hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; hỗ trợ công tác quản lý, **tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục**; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường”.

Trách nhiệm đối với những tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc về Hiệu trưởng, (chủ tài khoản) và phụ trách kế toán trường. Nguyên nhân là do trường mới được xây dựng, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, yêu cầu chăm sóc trẻ ngày càng cao, đòi hỏi phải đầu tư mua sắm nhiều, trong khi ngân sách nhà nước cấp còn hạn chế, chậm, nên trường đã thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh sử dụng nguồn quỹ đóng góp còn tồn để mua sắm và trả tiền công cho giáo viên hợp đồng, nhân viên, trực trưa cho giáo viên... Đây là những sai sót mang yếu tố khách quan; thực tế các khoản chi này đều đã đến với nhân viên, người lao động và người cung cấp dịch vụ đầy đủ, chưa phát hiện được có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng.

IV. Kiến nghị

1. Đối với Hiệu trưởng trường mẫu giáo Mỹ Sơn

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm, kết quả đã đạt được trong thực hiện chính sách pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, công khai tài chính, mức giá dịch vụ giáo dục mầm non, chính sách hỗ trợ theo quy định tại thông tư 59/2013/TT-BTC ngày 23/6/2003; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2001; thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm đủ định mức số lượng

người làm việc theo quy định để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non...

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ sát với tình hình và điều kiện thực tế tại cơ quan đảm bảo chi đúng với nội dung của quy chế và thực hiện nghiêm túc quy trình thủ tục đối với các chứng từ chi đảm bảo nguyên tắc quản lý tài chính tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015.

- Thường xuyên phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc thu, chi các loại quỹ đóng góp đảm bảo phù hợp, đúng nội dung đã huy động từ đầu năm học và tổ chức công khai các khoản thu, chi đến cha mẹ học sinh trong từng năm học, đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 "*Không quy định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh*". Dự toán các loại quỹ, tiền ăn bán trú phải sát với thực tế, đảm bảo thu bù đủ chi, không để tồn nguồn kinh phí này sử dụng vào mục đích khác (nêu trên)

- Quán triệt triển khai thực hiện nghiêm túc Công văn số 4660/BGDĐT-CTHSSV ngày 10/9/2015 của Bộ Giáo dục đào tạo, "*không tổ chức thu các khoản bảo hiểm tự nguyện*"; hướng dẫn cho cha mẹ học sinh liên hệ với cơ quan bảo hiểm để mua bảo hiểm cho con em mình (nếu có nhu cầu).

- Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm, nhằm chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế nêu trên.

*** Xử lý về kinh tế:**

- Đối với số tiền chi chưa đúng quy định: **51.550.600đ**.

+ Không thu hồi số tiền **12.157.000đ**, chi mua sắm đồ dùng phục vụ cho nhà bếp; vì qua kiểm tra nguồn kinh phí thường xuyên không chi trùng nội dung này và việc mua sắm nhằm phục vụ tốt, kịp thời cho các cháu.

+ Không thu hồi số tiền: **35.400.000đ**, (gồm: **13.500.000đ** chi lương cho giáo viên hợp đồng (ngoài biên chế); số tiền: **6.900.000đ**, chi cho giáo viên trực trưa và số tiền: **15.000.000đ**, chi tiền tạp vụ) chưa đúng quy định theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục đào tạo; nhưng qua kiểm tra, đối chiếu thực tế nhu cầu chăm sóc các cháu là cần thiết và người lao động đều thực hiện công việc, ký nhận tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng; đồng thời Ban đại diện cha mẹ học sinh cũng không có phản ánh sau khi công khai kinh phí cuối năm học.

+ Thu hồi số tiền: **1.945.600đ** (chênh lệch: chi 6.945.600 đ, danh sách ký nhận 5.000.000 đ) nộp vào quỹ tiền ăn năm học 2017-2018 và số tiền: **48.000đ** (chênh lệch) nộp vào quỹ tiền ăn năm học 2018-2019, để trả lại cho cha mẹ học sinh theo quy định.

+ Thu hồi số tiền: **2.000.000đ** (*chuyển tiền lễ ngày 20/11/2020: 5.000.000đ*), chi không đúng Quy chế chi tiêu nội bộ nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Đối với số tiền 8.305.000đ, trích 10% thu bảo hiểm thân thể (*không bắt buộc*), công khai và thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh về nội dung chi.

2. Đối với phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn và giám sát chặt chẽ các hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước cấp và hoạt động thu, chi các loại quỹ đóng góp của cha mẹ học sinh.

- Chấn chỉnh, chỉ đạo các trường trong việc huy động các khoản đóng góp từ cha mẹ học sinh, tránh việc lạm thu, sử dụng không đúng mục đích các khoản đóng góp của cha mẹ học sinh và tổ chức tập huấn cho chủ tài khoản, kế toán về công tác quản lý tài chính, sử dụng các loại quỹ và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Đối với phòng Tài chính – kế hoạch huyện:

Có kế hoạch kiểm tra tài chính - ngân sách hằng năm đối với các đơn vị sử dụng ngân sách huyện, để kịp thời hướng dẫn, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế. Tham mưu cấp kinh phí kịp thời đầy đủ theo quy định, để các trường hoạt động hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực HĐND huyện;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBKT huyện ủy;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Trường Mẫu giáo Mỹ Sơn;
- Phòng giáo dục và Đào tạo huyện;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện;
- Lưu: LĐ, VT, HSĐTT.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Văn Hóa